

Số: /BC-HĐGVCN

Sơn La, ngày tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả Công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2025 - 2026

Thực hiện Kế hoạch số 161/KH-CĐSL ngày 18/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Kế hoạch năm học 2025 - 2026; Kế hoạch số 296/KH-CĐSL ngày 10/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2025 – 2026.

Hội đồng GVCN trường Cao đẳng Sơn La Báo cáo kết quả công tác Giáo viên chủ nhiệm năm học 2025 – 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi

Tổng số GVCN trong toàn trường tính đến tháng 7/2026 là 50, trong đó:

- Hệ cao đẳng: 20
- Hệ trung cấp: 30

Giảng viên được phân công làm GVCN đều nhận thức rõ chức năng, nhiệm vụ của mình trong quá trình quản lý học sinh, sinh viên (HSSV).

Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm được nhà trường ban hành với đầy đủ biểu mẫu, hướng dẫn và thời gian thực hiện các nội dung công việc.

Kế hoạch công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2025 - 2026 đã cụ thể hóa các nội dung cần thực hiện, thời gian dự kiến hoàn thành cho các hoạt động của GVCN, của Hội đồng GVCN cấp khoa. Nội dung kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất được quy định rõ ràng, dễ phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GVCN.

2. Khó khăn

Do công tác tuyển sinh tiến hành liên tục dẫn đến công tác kiện toàn đội ngũ GVCN thường xuyên phải cập nhật, bổ sung.

Việc quản lý sĩ số HSSV lên lớp còn gặp nhiều khó khăn

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Xây dựng văn bản chỉ đạo công tác GVCN

Để chỉ đạo công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2025 - 2026, nhà trường đã ban hành các văn bản:

Kế hoạch số 161/KH-CĐSL ngày 18/6/2025 của trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành kế hoạch năm học 2025 – 2026.

Kế hoạch số 296/KH-CĐSL ngày 10/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2025 – 2026.

Quyết định số 156/QĐ-CĐSL ngày 20/2/2025 về việc ban hành Quy định công tác GVCN.

Quyết định số 157/QĐ-HĐGVCN ngày 20/2/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng giáo viên chủ nhiệm.

Thông báo số 242/TB-CĐSL ngày 15/6/2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng

Sơn La về việc họp HĐGVCN năm học 2025 - 2026.

Quyết định số 887/QĐ-CĐSL ngày 24/9/2025 của trường Cao đẳng Sơn La về việc phân công thực hiện công tác giáo viên chủ nhiệm các lớp cao đẳng, trung cấp năm học 2025-2026.

Các văn bản được nhà trường xây dựng và được thông qua toàn bộ Hội đồng GVCN, được 100% các thành viên nhất trí và đưa vào thực hiện với hệ thống văn bản, biểu mẫu chi tiết, cụ thể.

2. Về hoạt động kiểm tra, giám sát của Hội đồng GVCN

Hội đồng GVCN cấp trường đã thành lập các tổ kiểm tra, tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ đối với Hội đồng GVCN của 05 khoa và 17 GVCN.

2.1. Kết quả kiểm tra

** Đánh giá hồ sơ của HĐGVCN 05 khoa*

TT	HĐGVCN khoa	Mức chất lượng (%)	Xếp loại	Ghi chú
1	GDMN & GDPT	90	Tốt	
2	Nông Lâm	87.7	Tốt	
3	Luật – Nội Vụ	96,6	Tốt	
4	VHNT & DL	86.6	Tốt	
5	Kỹ thuật - Kinh tế	86.7	Tốt	

** Đánh giá hồ sơ đối với GVCN*

TT	Khoa	GVCN	Lớp	Mức CL (%)	XL
1	KT-KT	Trần Thị Quyên	TC Kế toán doanh nghiệp K62B1	91	Tốt
2	KT-KT	Nguyễn Thị Thu Hương	TC Tin học ứng dụng K62A	91	Tốt
3	KT-KT	Đặng Văn Hùng	CĐ CNKT Điện - ĐT K61	91	Tốt
4	KT-KT	Tường Thị Phương Thảo	CĐ CNTT CLC K62	91	Tốt
5	KT-KT	Nguyễn Phú Thành	TC Tin học ứng dụng K61	91,4	Tốt
6	KT-KT	Nguyễn Thị Thuý Tươi	CĐ CNTT K60 (CLC)	91,4	Tốt
7	VHNT&DL	Phùng Thị Thúy	TC Quản lý văn hóa K61	94,3	Tốt
8	VHNT&DL	Trần Thị Soi	TC Quản trị khách sạn K62	80	Khá
9	VHNT&DL	Phạm T. Xuân Thủy	TC Organ, NCT và Thanh nhạc K62	88	Tốt
10	VHNT&DL	Nguyễn Thị Bích Thuận	TC Hội họa K45	88,6	Tốt
11	Nông Lâm	Nông Thị Thanh	CĐ Chăn nuôi- Thú y K60	94	Tốt
12	Nông Lâm	Nguyễn Thị Nga	CĐ Chăn nuôi- Thú y K62	90	Tốt
13	Nông Lâm	Triệu Thị Thịnh	TC TT & BVTV K62A	91	Tốt
14	Luật – Nội vụ	Trịnh Thị Phương Thảo	TC Văn thư Hành chính K61A	88,6	Tốt
15	Luật – Nội vụ	Phạm Thị Hà	TC Văn thư Hành chính K62A	94,3	Tốt
16	Luật – Nội vụ	Nguyễn Trọng Chính	TC Pháp luật K61A	80	Khá
17	GDMN&GDP T	Đào Thanh Xuân	CĐ GDMN K61B	91	Tốt
18	GDMN&GDP	Đỗ Lan Anh	CĐ Cao đẳng mầm non K61A	91	Tốt

TT	Khoa	GVCN	Lớp	Mức CL (%)	XL
	T				

+ Loại Tốt: 16

+ Loại Khá: 02

2.2. Một số ưu, nhược điểm trong công tác kiểm tra, giám sát

2.2.1. Đối với Hội đồng GVCN cấp khoa

** Ưu điểm:*

- Các khoa đã xây dựng đúng theo mẫu quy định, đã cụ thể hóa được các nội dung trọng tâm cần thực hiện theo tháng.

- Các khoa đã xây dựng được lịch trình để gặp gỡ và giải quyết yêu cầu của GVCN.

- Kiểm tra, đánh giá điểm rèn luyện của HSSV đã thực hiện tương đối tốt theo đúng TTQT của phòng Công tác HSSV.

- Các khoa thực hiện theo đúng kế hoạch của nhà trường, kết quả đánh giá GVCN đã bám sát theo quy định.

** Nhược điểm:*

- Khoa Luật – Nội vụ :Cần đánh giá ưu, nhược điểm cho từng giảng viên.

- Khoa Nông lâm: Chưa thiết lập được kế hoạch để HS đăng ký học lại.

- Khoa VHNT&DL: Kế hoạch đánh giá GVCN chưa cụ thể thời điểm thực hiện các mẫu từ 8 đến 14.

- Khoa Kỹ thuật - Kinh tế: Đã triển khai nhưng vẫn bị chậm hơn so với kế hoạch.

2.2.2. Đối với GVCN

Hồ sơ theo quy định của công tác GVCN, cơ bản GVCN của tất cả các khoa đã làm đúng mẫu, tuy nhiên nội dung từng loại hồ sơ cụ thể vẫn còn một số ưu, nhược điểm sau:

** Ưu điểm:*

- Kế hoạch cá nhân các GVCN đã cụ thể được nội dung công việc theo tháng. GVCN đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công việc sau mỗi hoạt động tương đối chi tiết.

- GVCN đã lên kế hoạch GVCN, lịch trình gặp gỡ HSSV, thể hiện đủ các công việc cần thực hiện của GVCN trong năm học.

- Nội dung kế hoạch hàng tháng của GVCN đầy đủ, đề cập đến nhiệm vụ của GVCN, có sự cập nhật thời gian điều chỉnh cho các nội dung đã thay đổi.

- Minh chứng lưu trữ cho việc thực hiện của nhiều GVCN đầy đủ, thể hiện rõ công việc đã làm.

- Việc hướng HSSV lập sổ và quản lý sổ theo dõi và đăng ký tiến độ học tập được GVCN thực hiện theo đúng quy trình.

- Các báo cáo đã được GVCN lập theo quy định, thể hiện rõ công việc trong từng tháng.

- Sổ GVCN đầy đủ thông tin, quá trình theo dõi HSSV theo thứ tự của lớp đầy đủ, cập nhật thường xuyên.

** Nhược điểm:*

- Một số báo cáo tuần, tháng của GVCN chất lượng còn chưa cao, thiếu số liệu, chưa thể hiện rõ nội dung công việc đã thực hiện,
- Sổ GVCN của một số lớp còn chưa đầy đủ, thiếu chữ ký ở nhiều biên bản, chưa dán ảnh HSSV, ghi chép chưa cụ thể, trong sổ có nhiều mẫu chữ khác nhau.

2.3 Giải pháp khắc phục

*** Đối với HĐGVCN cấp trường**

- Các thành viên Hội đồng nghiên cứu kỹ quy định công tác GVCN để tham mưu bổ sung, điều chỉnh một số tiêu chí chấm điểm và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GVCN sao cho thực tế và hợp lý trong điều kiện hiện nay tại trường.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác điều hành, quản lý của Hội đồng GVCN cấp khoa, của GVCN để kịp thời xử lý những vấn đề chưa hợp lý hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo viên chủ nhiệm năm học.

*** Đối với HĐGVCN cấp khoa**

- Trên cơ sở kế hoạch năm học, kế hoạch GVCN nhà trường đã ban hành các khoa cần cụ thể hóa các nội dung thực hiện và thời gian thực hiện theo thời gian đã quy định.
- Việc kiểm tra, giám sát hoạt động GVCN của khoa đối với GVCN cần sát sao hơn nữa, cần có nội dung kiểm tra chuyên đề hoặc đột xuất để việc thực hiện đi vào thực chất công việc. Hiện vẫn còn tình trạng chỉ quản lý về hồ sơ, sổ sách khi có thông báo kiểm tra mới chuẩn bị.
- Các khoa cần xây dựng kế hoạch kiểm tra đột xuất trong việc thực hiện nhiệm vụ đối với GVCN do khoa quản lý (kiểm tra nhật trình gặp gỡ HSSV, việc họp lớp định kỳ, quản lý hồ sơ, báo cáo,...) xem việc thực hiện có đảm bảo theo đúng kế hoạch đã đặt ra hay chưa.
- Cần kiểm soát chất lượng của các báo cáo hoạt động của GVCN (chú ý tới kết quả thực hiện).

*** Đối với GVCN**

- Cần nghiên cứu kỹ các văn bản quy định, quy trình thực hiện công việc, các mẫu thực hiện nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động GVCN.
- Kế hoạch tư vấn hỗ trợ HSSV và giáo viên chủ nhiệm của cá nhân cần phải đánh giá được kết quả thực hiện theo tháng để có những điều chỉnh, cải tiến hợp lý.
- Nhật trình gặp gỡ HSSV cần công khai tới khoa và HSSV, trong đó phải cụ thể được trong từng tuần về thời gian, địa điểm, hình thức trao đổi, tư vấn và phải có xác nhận của đại diện HSSV.
- Cần cập nhật đầy đủ thông tin vào sổ đăng ký và theo dõi tiến độ học tập của HSSV và quản lý sổ theo đúng quy định. Quản lý được HSSV nợ môn, chưa đăng ký được và có thể đăng ký được vào thời điểm nào trong kỳ.
- Các biểu mẫu báo cáo cần cụ thể kết quả xử lý nội dung công việc. Cần cập nhật đầy đủ thông tin trong sổ GVCN.

3. Đánh giá một số hoạt động khác trong công tác GVCN

3.1. Việc giải quyết các yêu cầu của người học

Nội dung liên quan đến quyền lợi của HSSV đã được GVCN quan tâm, giải quyết kịp thời. Hội đồng GVCN khoa, GVCN các lớp cần có nhật trình gặp gỡ HSSV

cụ thể, trong đó phải dự kiến được thời gian, địa điểm và phải công khai để HSSV được biết.

3.2. Về việc thực hiện chế độ báo cáo

Để nâng cao chất lượng các báo cáo, Hội đồng GVCN khoa cần có sự kiểm soát báo cáo từ GVCN, yêu cầu các báo cáo cần có số liệu về kết quả xử lý, cần bám sát vào kế hoạch của nhà trường về thời gian nộp báo cáo. Số liệu các báo cáo cần được kiểm tra trước khi báo cáo lên nhà trường.

3.3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của GVCN

Việc đánh giá GVCN được thực hiện theo năm học, dựa trên đánh giá từ học sinh, sinh viên và Hội đồng GVCN cấp khoa trình Hội đồng GVCN cấp trường xem xét, quyết định. Kết quả đánh giá cụ thể như sau.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 45
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 05
- Hoàn thành nhiệm vụ: 0
- Không hoàn thành nhiệm vụ: 0

(Có danh sách kèm theo)

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Khoa Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch đề xuất chỉnh sửa nhật trình, bổ sung thời gian cụ thể.

- Khoa GDMN – GDPT đề xuất bỏ mẫu 26 vì không phù hợp, trùng hồ sơ khác./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường (Báo cáo);
- HĐGVCN các khoa (Đề biết);
- GVCN các lớp tại Trường (Đề biết);
- Lưu: HĐ, TCHSSV.

TM. HỘI ĐỒNG GVCN
CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Xuân Thắng

DANH SÁCH
Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm
năm học 2025 - 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-HĐGVN ngày /7/2026 của Chủ tịch Hội đồng GVCN Trường Cao đẳng Sơn La).

TT	GVCN	Lớp	Điểm đánh giá	Số tiết được quy đổi	Xếp loại	Ghi chú
1	Quách Thị Sơn	CĐ CNKT Điện – ĐT K62	64,5	64,5	HTXSNV	
2	Nguyễn Tiến Văn	CĐ CNTT K62	62,5	31,3	HTTNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
3	Nguyễn T. Bích Thủy	CĐ CNKT Điện – ĐT K60	67,5	67,5	HTXSNV	
4	Nguyễn T. Thúy Tươi	CĐ CNTT K60 (CLC)	67,5	33,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
5	Hoàng Văn Quỳnh	CĐ CNTT K60	66,5	33,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
6	Nguyễn T. Thu Hương	TC Tin học UD K62A	64,5	64,5	HTXSNV	
7	Đặng Văn Hùng	CĐ CNKT Điện – ĐT K61	63,5	63,5	HTXSNV	
8	Hoàng Thị Nhất	CĐ CNTT K61B	66,5	33,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
9	Nguyễn Thị Vân	CĐ CNTT K61A (CLC)	63,5	31,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
10	Nguyễn Phú Thành	TC THUĐ K61	66,5	66,5	HTXSNV	
11	Tường T. Phương Thảo	CĐ CNTT CLC K62	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
12	Trần Thị Quyên	TC KTDN K62 B1	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
13	Nguyễn Văn Hoan	Âm nhạc K44 (Thanh nhạc, Organ, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống)	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
14	Dương Văn Nghĩa	Âm nhạc K45 (Thanh nhạc, Organ)	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
15	Phạm Thị Thu	Âm nhạc K60 (4 năm) (Thanh nhạc, Organ)	63,5	31,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
16	Hà Duy Sơn	Âm nhạc K61 (4 năm) (Thanh nhạc, Organ) Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K61 (hệ 4 năm và 6 năm)	61,5	61,5	HTTNV	
17	Đặng Thị Hải Yến	Biểu diễn múa DGDT K44 (6 năm))	67,5	33,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
18	Lò Thị Hải	Biểu diễn múa DGDT K45 (6 năm))	67,5	33,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
19	Nguyễn Thị Thu Hiền	Biểu diễn múa DGDT K60 (Biểu diễn múa DGDT K60 (4 năm); Biểu diễn múa DGDT K60 (6	54,0	27,0	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống

		năm))				
20	Lò Thị Vinh	Biểu diễn múa DGDT K61 (Biểu diễn múa DGDT K61 (4 năm); Biểu diễn múa DGDT K61 (6 năm))	65,5	32,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
21	Nguyễn T. Bích Thuận	Hội họa K45 (4 năm)	67,5	33,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
22	Nguyễn Minh Hải	Hội họa K60 (4 năm)	61,5	30,8	HTTNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
23	Lò An Việt	Hội họa K61 (4 năm)	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
24	Đinh Thị Quỳnh Anh	TC HDDL K61A	67,5	33,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
25	Trần Thị Soi	TC QTKS K62	64,5	64,5	HTXSNV	
26	Nguyễn Thị Hạnh	CĐ HDDL K62	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
27	Nguyễn Thị Loan	TC NTBDMGDGT K62	63,5	63,5	HTXSNV	
28	Ngô Thu Thảo	CĐ QLVHK62	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
29	Bùi Thị Hải Thanh	TC QLVH K62	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
30	Phùng Thị Thúy	TC QLVH K61	67,5	33,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
31	Vũ Văn Chính	TC QTKS K61	62,5	62,5	HTTNV	
32	Phạm Xuân Thủy	TC Organ, NCT và TN K62	64,5	64,5	HTXSNV	
33	Vũ Tiến Dũng	TC Hội họa K62	67,5	33,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
34	Nguyễn Ánh Nguyệt	CĐ QLVH K61	65,5	32,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
35	Vũ Thị Ngọc Ánh	TC TT&BVTV K61A	67,5	67,5	HTXSNV	
36	Trương Hồng Quang	CĐ Chăn nuôi thú y K61	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
37	Nguyễn Thị Nga	CĐ CNTY K62	65,5	32,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
38	Triệu Thị Thịnh	TC TT&BVTV K62A	65,5	65,5	HTXSNV	
39	Nông Thị Thanh	CĐ Chăn nuôi thú y K60A	67,5	33,8	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
40	Dương Thị Thê	TC Dịch vụ pháp lý K62	64,5	64,5	HTXSNV	
41	Nguyễn Trọng Chính	TC Pháp luật K61A	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
42	Phạm Thị Hà	TC VTHC K62	63,5	63,5	HTXSNV	
43	Trịnh Thị Phương Thảo	TC VTHC K61A	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
44	Đào Thị Bích Thu	TC HVCP K61A	64,5	32,3	HTXSNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
45	Đỗ T. Minh Ngọc	TC Pháp luật K62A	63,5	63,5	HTXSNV	
46	Lường Hồng Lâm	TC Dịch vụ pháp lý K61A	61,5	30,8	HTTNV	Lớp SL từ 18 HSSV trở xuống
47	Đỗ Lan Anh	CĐ GDMN K61A	57,0	57,0	HTXSNV	

48	Đào Thanh Xuân	CĐ GDMN K61B	57,0	57,0	HTXS NV	
49	Nguyễn Thị Hong Vân	CĐ GDMN K62A	57,0	57,0	HTXS NV	
50	Nguyễn Thanh Hà	CĐ GDMN K62B	57,0	57,0	HTXS NV	

Danh sách này gồm: 50 GVCN